

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ



S D F C

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

SAO Y BẢN CHIA
Hà Nội, Ngày 14.12.2014

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Quốc Minh

Hà Nội, tháng 3 - 2012

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2348 /NHNN-TTGSNH

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2012

V/v xác nhận đăng ký Điều lệ.

Kính gửi: Công ty tài chính cổ phần Sông Đà

Về đề nghị đăng ký bản Điều lệ của Công ty tài chính cổ phần Sông Đà tại Công văn số 38/CV-HĐQT ngày 27/03/2012 và hồ sơ kèm theo, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thông báo:

1. Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc đăng ký đối với bản Điều lệ đính kèm Công văn số 38/CV-HĐQT ngày 27/03/2012 của Công ty tài chính cổ phần Sông Đà, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty tài chính cổ phần Sông Đà thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2012.

2. Công ty tài chính cổ phần Sông Đà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của bản Điều lệ nêu tại Điểm 1 Công văn này, đảm bảo phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp Điều lệ có các khoản trái với quy định của pháp luật, các Điều, khoản đó đương nhiên vô hiệu và Công ty tài chính cổ phần Sông Đà có trách nhiệm kịp thời sửa đổi, bổ sung các Điều, khoản liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty tài chính cổ phần Sông Đà phải được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.

Ngân hàng Nhà nước thông báo để Công ty tài chính cổ phần Sông Đà biết và thực hiện. *Thanh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTĐ Đặng Thanh Bình (để b/c);
- NHNN c/n TP.Hà Nội;
- Lưu: VP, TTGSNH6(6)

TL. THỐNG ĐỐC
CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG



DƯƠNG QUỐC ANH

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I - ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	2
Điều 1 - Định nghĩa	2
CHƯƠNG II - TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2 - Tên, Địa chỉ và thời gian hoạt động của Công ty	4
CHƯƠNG III - MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG ..	5
Điều 3 - Mục tiêu của Công ty	5
Điều 4 - Huy động vốn	6
Điều 5 - Hoạt động tín dụng	6
Điều 6 - Các hình thức vay	6
Điều 7 - Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý	6
Điều 8 - Bảo lãnh	7
Điều 9 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác	7
Điều 10 - Mở tài khoản của Công ty	7
Điều 11 - Các hoạt động khác	7
Điều 12 - Bất động sản	8
Điều 13 - Tỷ lệ bảo đảm an toàn	8
CHƯƠNG IV - VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG	9
Điều 14 - Vốn điều lệ	9
Điều 15 - Thay đổi vốn điều lệ	10
Điều 16 - Vốn hoạt động của Công ty gồm các nguồn sau	10
CHƯƠNG V - CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	11
Điều 17 - Cổ phần, cổ đông	11
Điều 18 - Giới hạn sở hữu cổ phần đối với cổ đông	13
Điều 19 - Cổ phiếu, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần	13
Điều 20 - Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 21 - Thừa kế cổ phần	15
CHƯƠNG VI - CÁC CƠ QUAN VÀ CƠ CHẾ THAM GIA QUYẾT ĐỊNH	15

Điều 22 - Các cơ quan.....	15
CHƯƠNG VII - CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	15
Điều 23 - Qui định chung về cổ đông	15
Điều 24 - Sổ đăng ký cổ đông.....	16
Điều 25 - Quyền hạn của cổ đông.....	17
Điều 26 - Nghĩa vụ của cổ đông.....	18
Điều 27 - Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 28 - Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 29 - Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 30 - Uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 31 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 32 - Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và Biên bản.....	23
Điều 33 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 34 - Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	27
CHƯƠNG VIII - ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	28
Điều 35 - Nhiệm vụ chung	28
Điều 36 - Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc làm Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc	28
Điều 37 - Mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc	29
Điều 38 - Miễn nhiệm, bãi nhiệm	30
Điều 39 - Kiểm soát đặc biệt	31
CHƯƠNG IX - CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH	31
Điều 40: Nghĩa vụ thận trọng.....	31
Điều 41: Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi	31
Điều 42: Trách nhiệm và bồi thường	32
CHƯƠNG X - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
Điều 43 - Quy định chung về HĐQT	33
Điều 44 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	34
Điều 45 - Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	34

Điều 46 - Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên HĐQT	38
Điều 47 - Thay thế thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 48 - Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 49 - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	40
Điều 50 - Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.....	43
Điều 51 - Thư ký	43
CHƯƠNG XI - TỔNG GIÁM ĐỐC.....	44
Điều 52 - Tổng giám đốc.....	44
Điều 53 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	45
Điều 54 - Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	45
CHƯƠNG XII - BAN KIỂM SOÁT	47
Điều 55 - Quy định chung về Ban kiểm soát	47
Điều 56 - Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát.....	49
Điều 57 - Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát	49
Điều 58 - Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát	50
Điều 59 - Thay thế thành viên Ban kiểm soát	51
Điều 60 - Các cuộc họp của Ban kiểm soát.....	52
<u>CHƯƠNG XIII</u> - CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY	55
Điều 61 - Cơ cấu tổ chức của Công ty	55
Điều 62 - Cơ cấu tổ chức của trụ sở chính	55
Điều 63 - Bộ máy giúp việc Tổng giám đốc	55
CHƯƠNG XIV - QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	55
Điều 64 - Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	55
CHƯƠNG XV - NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	56
Điều 65 - Người lao động và Công đoàn.....	56
CHƯƠNG XVI - PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	56
Điều 66 - Lợi nhuận.....	56
Điều 67 - Cổ tức	56
CHƯƠNG XVII - HỆ THỐNG KIỂM TRA, KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN	58
Điều 68 - Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ	58
Điều 69 - Nhân viên kiểm tra, kiểm soát nội bộ.....	58

Điều 70 - Trách nhiệm của Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ	58
Điều 71 - Quyền hạn và nhiệm vụ của hệ thống Kiểm tra, kiểm soát nội bộ	59
Điều 72 - Kiểm toán nội bộ	59
Điều 73 - Nhiệm vụ của Bộ phận kiểm toán nội bộ	59
Điều 74 - Quyền hạn của Bộ phận kiểm toán nội bộ	60
Điều 75 - Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ	61
Điều 76 - Chế độ tài chính	61
Điều 77 - Sử dụng vốn	61
Điều 78 - Các quỹ của Công ty	62
Điều 79 - Tự chủ về tài chính của Công ty	62
Điều 80 - Năm tài chính	62
Điều 81 - Hệ thống kế toán	62
CHƯƠNG XVIII - BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	62
Điều 82 - Báo cáo Tài chính	62
Điều 83 - Công bố và Thông báo	63
CHƯƠNG XIX - KIỂM TOÁN CÔNG TY	63
Điều 84 - Kiểm toán	63
CHƯƠNG XX - CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	64
Điều 85 - Báo cáo và Kiểm soát đặc biệt	64
Điều 86 - Phá sản	64
Điều 87 - Giải thể	64
Điều 88 - Thanh lý	65
Điều 89 - Gia hạn hoạt động	65
CHƯƠNG XXI - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	65
Điều 90 - Giải quyết tranh chấp nội bộ	65
CHƯƠNG XXII - THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT	66
Điều 91 - Thông tin định kỳ	66
Điều 92 - Nghĩa vụ bảo mật	66
CHƯƠNG XXIII - NGÀY HIỆU LỰC	66
Điều 93 - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	66
Điều 94 - Ngày hiệu lực	67

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (sau đây gọi tắt là Công ty) được thực hiện hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ liên quan đến hoạt động tài chính, tiền tệ, ngân hàng theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Công ty được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này gồm 23 chương có 94 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà nhất trí thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2012.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1 - Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây có nghĩa như sau:
 - 1.1. “Địa bàn kinh doanh” là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước mà tại đó Công ty được thiết lập các điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.
 - 1.2. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ này.
 - 1.3. ”Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
 - 1.4. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - 1.5. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Công ty được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động.
 - 1.6. “Cổ đông sáng lập” có nghĩa là người tham gia vào việc xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.
 - 1.7. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành hiện đang có hiệu lực thi hành.
 - 1.8. “Luật các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các TCTD số 47/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2010.
 - 1.9. “Vốn pháp định” là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Công ty.
 - 1.10. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty.
 - 1.11. “Người điều hành” có nghĩa là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc của Công ty.
 - 1.12. “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty.
 - 1.13. “NHNN” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - 1.14. “Cổ phần” là vốn điều lệ của Công ty được chia thành các phần bằng nhau.
 - 1.15. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu ghi tên.
 - 1.16. “Cổ đông” là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
 - 1.17. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp và Ngân hàng Nhà nước.
 - 1.18. “Thời hạn hoạt động” có nghĩa là thời gian Công ty được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Công ty có thể được gia

hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

- 1.19. “Việt Nam” có nghĩa là Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.20. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty mẹ của Công ty; công ty con của Công ty; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của Công ty; cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này;
 - b. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó;
 - c. Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty;
 - d. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty;
 - e. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này;
- 1.21. “Người đại diện theo uỷ quyền” là cá nhân được cổ đông là tổ chức uỷ quyền bằng văn bản đại diện phần vốn góp tại Công ty.
- 1.22. “Công ty con”: Một công ty được coi là công ty con của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty hoặc Công ty và người có liên quan của Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
 - b. Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
 - c. Công ty có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;
 - d. Công ty và người có liên quan của Công ty trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty con.
- 1.23. “HĐQT” là viết tắt của Hội đồng quản trị.
- 1.24. “Đại hội đồng cổ đông” (viết tắt là ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự.
- 1.25. “Công ty” có nghĩa là Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2 - Tên, địa chỉ và thời gian hoạt động của Công ty

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, dưới đây được gọi là Công ty, được phép hoạt động theo giấy phép thành lập và hoạt động số 137/GP-NHNN ngày 23 tháng 05 năm 2008 do Thống đốc NHNN cấp và có:

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam
2. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Công ty Tài chính Sông Đà.
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: SONGDA FINANCE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt bằng tiếng Anh: SONGDA FINANCE hoặc SDFC
3. Biểu tượng (logo):



S D F C

4. Trụ sở chính đặt tại: Tầng 2, 3, 4 toà nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại:

Fax:

E-mail: infor@sdfc.com.vn

Website: www.sdfc.com.vn

www.songdafinance.com.vn

5. Điều lệ tổ chức và hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
6. Công ty được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông đóng góp, được nhận cổ tức và cùng chịu trách nhiệm về những khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của Công ty tương ứng với phần vốn đã góp vào Công ty.
7. Các cơ quan quản lý và điều hành Công ty:

Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ. HĐQT là cơ quan thường trực của ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm quản trị Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát là cơ quan đại diện cổ đông, có trách nhiệm kiểm tra các mặt hoạt động của Công ty.

HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Công ty, phù hợp với pháp luật hiện hành. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ và các Phòng ban chức năng.

8. Tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.

Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam tại Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

9. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là 500.000.000.000 đồng Việt Nam (Năm trăm tỷ đồng Việt Nam).

10. Công ty có con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các Ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.

11. Công ty có bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.

12. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được NHNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do ĐHCĐ quyết định theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 3 - Mục tiêu của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Công ty hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật trong các lĩnh vực sau:

1.1. Huy động vốn;

1.2. Cấp tín dụng;

1.3. Đầu tư tài chính;

1.4. Cung ứng các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng;

1.5. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu của Công ty là xây dựng Công ty trở thành:

2.1. Một định chế tài chính mạnh cả về quy mô vốn, công nghệ ngân hàng, năng lực quản trị tiên tiến, có khả năng hợp tác và hội nhập thành công với các định chế tài chính trong nước và quốc tế;

2.2. Một trong những Công ty tài chính hoạt động an toàn, hiệu quả, uy tín nhất;

2.3. Công ty tài chính cung cấp các dịch vụ tài chính đồng bộ chất lượng cao cho khách hàng, là xương sống trong các định chế tài chính của Tập đoàn Sông Đà.

3. Mọi thay đổi trong lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu của Công ty phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 4 - Huy động vốn

Công ty huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi của các tổ chức.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của các tổ chức.
3. Vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.
4. Tiếp nhận vốn uỷ thác của Chính phủ, các tổ chức và cá nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh, cấp tín dụng được phép.

Điều 5 - Hoạt động tín dụng

Công ty cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức sau:

1. Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng.
2. Bảo lãnh ngân hàng.
3. Chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác.
4. Phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.

Điều 6 - Các hình thức cho vay

Công ty cho các tổ chức, cá nhân vay vốn dưới các hình thức sau đây:

1. Cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn theo quy định của NHNN.
2. Cho vay theo uỷ thác của Chính phủ, các tổ chức và cá nhân theo quy định của NHNN. Uỷ thác vốn cho các TCTD thực hiện cấp tín dụng theo quy định của NHNN
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức khác theo quy định của NHNN.

Điều 7 - Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý

1. Công ty được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án kinh doanh khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay; có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.
2. Công ty có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của khách hàng vay, tài sản của người bảo lãnh trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và người

bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp luật .

3. Công ty được miễn, giảm lãi suất cho vay, phí ngân hàng; gia hạn nợ; mua bán nợ theo quy định của NHNN.

Điều 8 - Bảo lãnh

Công ty được bảo lãnh ngân hàng bằng uy tín và khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh. Việc bảo lãnh phải được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của NHNN.

Điều 9 - Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác

1. Được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức và cá nhân.
2. Được tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức tín dụng khác.

Điều 10 - Mở tài khoản của Công ty

1. Công ty phải mở tài khoản tiền gửi tại NHNN và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.
2. Công ty được mở tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Công ty được phép thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng, được mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
4. Công ty được phép mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.
5. Chi nhánh của Công ty mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của Chi nhánh.

Điều 11 - Các hoạt động khác

1. Hoạt động đầu tư tài chính:
 - Công ty được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, quỹ đầu tư.
 - Công ty được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, quản lý tài sản bảo đảm sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - Công ty chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần cho các hoạt động đầu tư tài chính nêu trên.
2. Tham gia thị trường tiền tệ:

Công ty được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

3. Dịch vụ tư vấn:
 - Cung ứng các dịch vụ tư vấn về lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư cho khách hàng.
 - Cung ứng các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản của khách hàng.
4. Hoạt động đại lý:
 - Đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác.
 - Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm.
5. Dịch vụ Ngân quỹ:
 - Thực hiện các nghiệp vụ thu, phát tiền mặt cho khách hàng.
6. Các hoạt động khác:
 - Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
 - Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của NHNN.
 - Ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng.
 - Các hoạt động kinh doanh khác sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 12 - Bất động sản

Công ty không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Công ty.
3. Giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Công ty phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại Điều 140 của Luật các TCTD.

Điều 13 - Tỷ lệ an toàn

1. Trong quá trình hoạt động, Công ty phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI Luật các tổ chức tín dụng và theo quy định của NHNN.
2. Việc phân loại tài sản “có”, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động thực hiện theo quy định của NHNN.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 14 - Vốn Điều lệ

1. Vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng. Đối với ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được quy đổi thành Đồng Việt Nam để ghi vào Giấy phép và Điều lệ này. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 686 tỷ đồng.
3. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 68.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Mỗi cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.
4. Vốn điều lệ của Công ty được bổ sung theo từng thời kỳ để đáp ứng yêu cầu kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Việc tăng vốn điều lệ phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của ĐHĐCĐ và phải được NHNN chấp thuận trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật. Có thể tăng vốn theo các phương thức sau:
 - Phát hành cổ phiếu mới;
 - Chuyển các quỹ chủ sở hữu, lợi nhuận để lại bổ sung vốn điều lệ.
5. Công ty phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
6. Công ty không được sử dụng vốn điều lệ và các quỹ để mua cổ phần, góp vốn với các cổ đông của chính Công ty.
7. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - 7.1. Mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
 - 7.2. Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, quỹ đầu tư.
 - 7.3. Thành lập, mua lại các công ty con, công ty liên kết hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, quản lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - 7.4. Cho vay;
 - 7.5. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của NHNN.
8. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác mà không trái pháp luật).
9. Thời gian quy định góp vốn điều lệ:
 - Chậm nhất trước khi khai trương hoạt động 45 ngày, các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác phải góp đủ số vốn đã cam kết.

- Công ty sẽ chuyển toàn bộ phần vốn điều lệ góp bằng tiền vào tài khoản phong toả không được hưởng lãi suất mở tại Sở giao dịch NHNN hoặc NHNN thành phố Hà Nội. Sau ngày khai trương hoạt động, Công ty được giải toả số tiền từ tài khoản phong toả vào tài khoản hoạt động của Công ty mở tại Ngân hàng thương mại.

Điều 15 - Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của ĐHĐCĐ và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
3. Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của NHNN, Công ty phải:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung thay đổi đã được chấp thuận và đăng ký Điều lệ đã sửa đổi, bổ sung tại Ngân hàng Nhà nước;
 - b. Đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới và gửi văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của cơ quan công chứng Nhà nước) cho NHNN;
 - c. Đăng báo công bố về số vốn điều lệ mới trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
4. HĐQT Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của NHNN và điều lệ của Công ty.

Điều 16 - Vốn hoạt động của Công ty gồm các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ của Công ty;
2. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
3. Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;
4. Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 4 của Điều lệ này;
5. Lợi nhuận được để lại chưa phân phối;
6. Vốn tài trợ, vốn uỷ thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao;
7. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V
CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG,
CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 17 - Cổ phần, cổ đông

1. Công ty có tối thiểu 100 cổ đông, trong đó tối thiểu có 03 cổ đông sáng lập là tổ chức có tư cách pháp nhân đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng
2. Tại thời điểm thành lập, Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần là cổ phần phổ thông.

3. Các cổ đông của Công ty bao gồm:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số tiền (10 ^{9đ})
I	Cổ đông sáng lập:		35.800.000	52.19	358
1	Tập đoàn Sông Đà Người đại diện theo pháp luật: - Ông: Lê Văn Châu - Chức vụ: Tổng giám đốc	Nhà G10, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	19.000.000	27.70	190
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB) Người đại diện theo pháp luật: - Ông: Lê Hữu Đức - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT	Số 3 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	8.800.000	12.83	88
3	Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh Người đại diện theo pháp luật: - Ông: Lê Văn Thành - Chức vụ: Tổng giám đốc	26 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	8.000.000	11.66	80
II	Cổ đông thường		32.800.000	47.81	328
	Tổng cộng		68.600.000	100	686

- Mệnh giá một cổ phần của Công ty là 10.000đ (Bằng chữ: Mười nghìn đồng). Cổ phần của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng. Trường hợp góp vốn bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải được quy đổi thành Đồng Việt Nam.
- HĐQT quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn mệnh giá cổ phần tại thời điểm chào bán.
- Cổ phần dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông theo tỷ lệ tương đương với số cổ phần tương ứng mà họ hiện đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn mười lăm ngày) chấp nhận chào bán. Bất kỳ cổ phần nào không được chấp nhận theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền xử lý của HĐQT. HĐQT có thể phân phối các quyền mua cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện

thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch, Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 18 - Giới hạn sở hữu cổ phần đối với cổ đông

1. Một cổ đông là cá nhân được sở hữu tối đa 5% vốn điều lệ của Công ty.
2. Một cổ đông pháp nhân được sở hữu tối đa 15% vốn điều lệ của Công ty.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của Công ty.
4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn uỷ thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
5. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu 50% vốn điều lệ của Công ty; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.

Điều 19 - Cổ phiếu, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành. Số cổ phần ghi trên giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng giá trị cổ phiếu mà cổ đông sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần.
3. Cổ phiếu của Công ty bao gồm các thông tin chủ yếu sau:
 - 3.1. Tên, trụ sở chính của Công ty;
 - 3.2. Số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động;
 - 3.3. Tên cổ đông;
 - 3.4. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - 3.5. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - 3.6. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;
 - 3.7. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - 3.8. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu.
4. Mỗi cổ đông sẽ được Công ty cấp cổ phiếu theo từng loại cổ phần để ghi nhận số vốn góp.
5. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.
6. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành hoặc của HĐQT về việc chuyển nhượng). Các cổ phần do thành

viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát và các cổ đông lớn sở hữu, cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài phải được đăng ký.

7. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị huỷ bỏ và một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
8. Công ty có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.
9. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

- Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu huỷ;
- Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

10. Cổ phiếu của Công ty không được dùng để cầm cố tại chính Công ty.
11. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày khai trương hoạt động hoặc từ ngày đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về mức vốn điều lệ mới, Công ty phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông.

Điều 20 - Chuyển nhượng cổ phần:

1. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép, cổ đông sáng lập chỉ được phép chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông sáng lập khác với điều kiện bảo đảm các tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 18 Điều lệ này.
2. Trong thời gian 01 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép, cổ đông không phải là cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng số cổ phần góp vốn khi thành lập Công ty cho người không phải là cổ đông của Công ty, nhưng phải đảm bảo mức sở hữu theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.
3. Cổ đông pháp nhân hoặc thể nhân có đại diện làm thành viên HĐQT hoặc BKS khi chuyển nhượng cổ phiếu của mình phải thực hiện nguyên tắc nắm giữ theo tỉ lệ tối thiểu đã đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT hoặc BKS (Khoản 8 Điều 25 của Điều lệ này).
4. Cổ phần của cổ đông nắm giữ cổ phiếu có ghi tên được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin quy định trong Điều 24 của điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.
5. Tổng mức chuyển nhượng cổ phiếu có ghi tên (kể từ lần chuyển nhượng gần nhất được đăng ký tại NHNN) vượt quá 20% vốn điều lệ và việc thay đổi tỷ lệ cổ phiếu của các cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận.
6. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp một

giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành hoặc của HĐQT về việc chuyển nhượng). Các cổ phần do thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát và các cổ đông lớn sở hữu, cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài phải được đăng ký.

7. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị huỷ bỏ và một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp.
8. Công ty phải chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 21 - Thừa kế cổ phần:

Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

CHƯƠNG VI CÁC CƠ QUAN VÀ CƠ CHẾ THAM GIA QUYẾT ĐỊNH

Điều 22 - Các cơ quan

Cơ quan của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị ;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VII CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23 - Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, cá nhân mang quốc tịch Việt Nam; không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật doanh nghiệp. Cổ đông là tổ chức phải có thời gian hoạt động tối thiểu là 1 năm; Đối với các cổ đông phổ thông tham gia góp vốn từ 5% vốn điều lệ trở lên phải có thời gian hoạt động tối thiểu là 2 năm và kinh doanh có lãi.
2. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của

mỗi cổ đông được giới hạn theo số tiền mệnh giá của các cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

3. Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty:
 - 4.1. Người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân tại Công ty là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó theo qui định hiện hành của pháp luật.
 - 4.2. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân nêu tại điểm 4.1 khoản này có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty.
 - 4.3. Cổ đông là cá nhân có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty.
 - 4.4. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
 - 4.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi lên HĐQT của Công ty.
 - 4.6. Việc cử người làm đại diện tại Công ty phải được thực hiện bằng văn bản.
 - 4.7. Người được cử làm đại diện tại các Điểm 4.2, 4.3 và 4.4 của Khoản này không được quyền cử người khác làm đại diện thay.

Điều 24 - Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - 2.2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.3. Diễn biến tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - 2.4. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
 - 2.5. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty. Định kỳ 6 tháng một lần, Công ty phải có báo cáo bằng văn bản cho Chi nhánh NHNN nơi Công ty đặt trụ sở chính biết nếu có sự thay đổi một trong những nội dung nêu tại khoản 2 Điều này.

Điều 25 - Quyền hạn của cổ đông:

Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.

Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

1. Tham dự và phát biểu trong các ĐHĐCĐ và được thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần cổ thông có một phiếu biểu quyết;
2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
3. Được ưu tiên mua cổ phần mới khi Công ty tăng vốn điều lệ theo tỷ lệ số cổ phần hiện có của mỗi cổ đông.;
4. Được chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo qui định trong Điều lệ này và phù hợp với các qui định hiện hành của pháp luật;
5. Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
6. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác.
7. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
8. Khi Công ty giải thể, phá sản cổ đông được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản;
9. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự họp ĐHĐCĐ theo qui định của pháp luật; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình;
10. Đề cử hoặc ứng cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát theo các quy định sau đây:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 10% đến dưới 15% được cử 1 người, từ 15% đến dưới 25% được cử 2 người, từ 25% đến dưới 35% được cử 3 người.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 8% trên vốn điều lệ trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử 01 (một) người vào Ban kiểm soát của Công ty.

11. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền:

Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá sáu tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;
- Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.

Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

Các quyền khác theo Điều lệ này nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 26 - Nghĩa vụ của cổ đông:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, các quyết định của HĐQT và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT và Ban điều hành;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần;
4. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Công ty;
5. Hỗ trợ toàn diện, chịu trách nhiệm cùng Công ty về các rủi ro trong hoạt động (đối với cổ đông Tập đoàn Sông Đà);
6. Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần mình sở hữu, chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình;
7. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 8.1. Vi phạm pháp luật;
 - 8.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 8.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
9. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
10. Chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 27 - Đại hội đồng cổ đông:

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. ĐHĐCĐ thường niên được HĐQT triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do HĐQT quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được luật pháp và Điều lệ này quy định. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - 3.1. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. ĐHĐCĐ sẽ được coi là cần thiết phải triệu tập nếu kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là cần thiết để thảo luận báo cáo kiểm toán hoặc tình trạng tài chính của Công ty và thông báo cho HĐQT như vậy;
 - 3.2. Tình hình tài chính của Công ty cho thấy Công ty bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;
 - 3.3. Khi số thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - 3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 9 Điều 25 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - 3.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động vượt quá thẩm quyền của mình;
 - 3.6. Theo yêu cầu của Giám đốc chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính.
 - 3.7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường
 - 4.1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 3 Điều này.
 - 4.2. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4.1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4.2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3.4 Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

4.4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty thanh toán. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 28 - Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

1.2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;

1.3. Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

1.4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;

1.5. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

1.6. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

1.7. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Công ty;

1.8. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

1.9. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;

1.10. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyên đổi;

1.11. Thông qua việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài;

1.12. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty; Phương hướng, nhiệm vụ và ngân sách tài chính cho năm tài chính mới;

1.13. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

1.14. Quyết định thành lập công ty con;

- 1.15. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 1.16. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 1.17. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Công ty; công ty con, công ty liên kết của Công ty;
 - 1.18. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Công ty;
 - 1.19. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Công ty.
 - 1.20. Các quyền và nhiệm vụ khác do ĐHĐCĐ quyết định và ghi vào Điều lệ này.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ về:
 - 2.1. Bất kỳ hợp đồng nào liên quan đến Điều 41 mà cổ đông đó hoặc một người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - 2.2. Bất kỳ việc mua cổ phiếu nào từ cổ đông đó hoặc bất kỳ người có liên quan của cổ đông đó;
 3. ĐHĐCĐ phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 29 - Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân; tên, trụ sở đối với tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.
4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

5. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp ĐHĐCĐ sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 30 - Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty. HĐQT có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:
 - 2.1. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số chứng minh thư nhân dân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình.
 - 2.2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số chứng minh nhân dân của người ủy quyền (người đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân), số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền; Người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền.
 - 2.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 31 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4.2 và 4.3 Điều 27 Điều lệ này.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội như quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, chương trình họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - 2.2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - 2.3. Thông báo cho tất cả các cổ đông về ĐHĐCĐ và gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ cho họ.

3. Giấy mời họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Giấy mời họp và tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Giấy mời họp và tài liệu phải được gửi ít nhất mười lăm ngày trước ngày ĐHĐCĐ. Nếu Công ty có website, thông báo họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo và gửi tài liệu cho các cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 9 Điều 25 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
 - 5.1. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - 5.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - 5.3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
 - 5.4. Những vấn đề không phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật.
6. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Chỉ ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.

Điều 32 - Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và Biên bản:

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

2. Chủ tịch HĐQT là người chủ tọa họp ĐHĐCĐ, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền sẽ chủ tọa họp ĐHĐCĐ. Nếu Chủ tịch HĐQT không uỷ quyền cho bất kỳ thành viên HĐQT nào, thì sau khi có đủ số cổ đông và người được uỷ quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát có mặt dự họp tại ĐHĐCĐ có trách nhiệm tổ chức để ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm chủ tọa họp ĐHĐCĐ trong số các cổ đông. Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản họp ĐHĐCĐ.
3. Trường hợp ĐHĐCĐ được triệu tập bởi Ban kiểm soát hoặc cổ đông lớn thì sau khi có đủ số cổ đông và người được uỷ quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp, người triệu tập ĐHĐCĐ có trách nhiệm tổ chức để ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm chủ tọa họp ĐHĐCĐ trong số các cổ đông. Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản họp ĐHĐCĐ.
4. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
5. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi:
 - 5.1. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - 5.2. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; chia tách, sáp nhập, hợp nhất, mua lại hoặc bán lại, giải thể Công ty và Công ty trực thuộc của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - 5.3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
6. Người chủ tọa họp ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản và chuẩn bị gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi ĐHĐCĐ kết thúc, và các biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa của Đại hội và Thư ký ký tên chủ yếu gồm các nội dung sau đây:
 - 6.1. Ngày tháng và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;
 - 6.2. Chương trình họp;
 - 6.3. Đại biểu tham dự, họ tên chủ tịch (chủ tọa) và thư ký;
 - 6.4. Tóm tắt các bài phát biểu tại ĐHĐCĐ;

- 6.5. Các vấn đề được thảo luận và các quyết định được ĐHĐCĐ thông qua, số phiếu thuận, số phiếu trống, số phiếu trắng và những vấn đề còn tồn đọng.
- 6.6. Tổng số phiếu của các cổ đông tham dự;
- 6.7. Tổng số phiếu về từng vấn đề; và
- 6.8. Tên và chữ ký của chủ tịch (chủ tọa) và thư ký.
7. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại ĐHĐCĐ.
8. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại các trụ sở của Công ty. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông qua, tất cả các nghị quyết, quyết định được ĐHĐCĐ thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước và thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ.
9. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành nhằm đảm bảo các cổ đông có quyền dự họp được đăng ký. Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký có nêu rõ số cổ phần và loại cổ phần của mình. Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
10. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.
11. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
12. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
13. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

14. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
15. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 14 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 33 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - 3.2. Mục đích lấy ý kiến;
 - 3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - 3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - 3.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - 3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - 5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - 5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - 5.5. Các quyết định đã được thông qua;
 - 5.6. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
8. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 34 - Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày quyết định được ĐHĐCĐ thông qua, cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc NHNN xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, hướng dẫn của NHNN và Điều lệ này;
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35 - Nhiệm vụ chung:

1. HĐQT là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty.
3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.
4. Chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty được bầu, bổ nhiệm phải trong danh sách đã được NHNN chấp thuận.

Điều 36 - Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc làm Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc:

1. Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty tài chính cổ phần Sông Đà;
6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện để quản lý phần vốn góp tại doanh nghiệp khác;
7. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân; thành viên hợp danh của Công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp tại thời điểm doanh

ng nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

8. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
9. Người đã từng là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Tổ chức tín dụng bị cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan pháp luật xác định có sai phạm dẫn đến việc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
10. Đang vay vốn, đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của Công ty;
11. Có bố, mẹ, vợ, chồng, con, đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của Công ty;
12. Là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc có bố, mẹ, vợ, chồng, con là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đang được Công ty cấp tín dụng không có đảm bảo, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi;
13. Không đảm bảo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN;
14. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của Công ty; Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng Công ty.
15. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
16. Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Công ty không được là Tổng giám đốc Công ty;
17. Không đảm bảo các quy định khác do Điều lệ này quy định.

Điều 37 - Mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:
 - 1.1. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - 1.2. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Công ty khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - 1.3. Thuộc đối tượng quy định từ Khoản 1 đến khoản 9 Điều 36 Điều lệ này.
 - 1.4. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - 1.5. Khi bị toà án trực xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- 1.6. Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Chức danh được Thống đốc NHNN chấp thuận trước đây của những người quy định tại Khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.
3. Trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc theo quy định tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 của Khoản 1 Điều này, HĐQT Công ty phải có ngay văn bản báo cáo kèm theo tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật để xử lý theo quy định; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 38 - Miễn nhiệm, bãi nhiệm:

1. Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:
 - 1.1. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - 1.2. Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty;
 - 1.3. Thuộc đối tượng vi phạm quy định tại khoản 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 Điều 36 và Điều 37 Điều lệ này;
 - 1.4. Không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ này quy định đối với thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát;
 - 1.5. Vi phạm quy định của pháp luật, NHNN và Điều lệ này về mua bán, chuyển nhượng cổ phần;
 - 1.6. Vi phạm quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - 1.7. Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 1.8. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;
 - 1.9. Các trường hợp khác có ghi trong Điều lệ này.
2. Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này,

HĐQT Công ty phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 39 - Kiểm soát đặc biệt

1. Trường hợp Công ty bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt tại Công ty có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc nếu xét thấy cần thiết.
2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành hoặc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do vi phạm Điều 38 Điều lệ này, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát được tham dự họp nhưng không được quyền biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát.

CHƯƠNG IX CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC UỶ THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 40 - Nghĩa vụ thận trọng

Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên của Ban điều hành có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Công ty phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.

Điều 41 - Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành không được sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.
3. Không được tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Công ty.
4. Không được tạo điều kiện cho cá nhân mình hoặc người có liên quan để cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định tại Điều 126 và Điều 127 Luật các Tổ chức tín dụng.

5. Các hợp đồng kinh tế, dân sự (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các điều 126, 127, 128, 129 của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới luật) của Công ty với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn và với người có liên quan của họ, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - 5.1. Đối với các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
 - 5.2. Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
6. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại khoản 5 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải có trách nhiệm bồi thường.
7. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của ban điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Công ty hay các Công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.
8. Các nghĩa vụ khác được quy định trong Điều lệ này.

Điều 42 - Trách nhiệm và Bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Công ty mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế của Công ty. Công ty có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

CHƯƠNG X

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43 - Quy định chung về HĐQT:

1. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:
 - 1.1.ĐHĐCĐ bầu thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu.
 - 1.2.ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT với số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.
 - 1.3.HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi miễn Chủ tịch HĐQT.
2. HĐQT của Công ty có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của Công ty. Cơ cấu nhân sự HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ công ty quyết định theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.
3. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm chức vụ trong Ban điều hành của Công ty.
4. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc Công ty.
5. Chủ tịch HĐQT không được phép tham gia HĐQT hoặc tham gia ban điều hành của Tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp đó là Công ty con của Công ty.
6. Chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT không được uỷ quyền cho những người không phải là thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
7. Sau ĐHĐCĐ đầu tiên, những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai và hoàn tất các công việc thành lập Công ty để trình Thống đốc NHNN xem xét, cấp giấy phép thành lập và hoạt động và chuẩn y các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành, Điều lệ này theo quy định hiện hành.
8. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên HĐQT mới được bầu xử lý, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
9. Điều kiện, tiêu chuẩn thành viên HĐQT:
 - 9.1. Là cổ đông của Công ty.
 - 9.2. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 36 và Khoản 4, Khoản 5 Điều này.
 - 9.3. Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 40, Điều 41 của Điều lệ này.

- 9.4. Có năng lực và hiểu biết về hoạt động Công ty: Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc tương đương; hoặc có ít nhất 03 năm làm người quản lý từ cấp Phó Trưởng phòng trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác; hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp từ các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kiểm toán, kế toán; hoặc là cổ đông cá nhân sở hữu hoặc người được uỷ quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% tổng số vốn cổ phần của Công ty (trừ trường hợp là thành viên HĐQT độc lập).
- 9.5. Số thành viên HĐQT chưa có bằng đại học nêu tại Điểm 9.4 Khoản 9 Điều này không được vượt quá 1/3 tổng số thành viên HĐQT của Công ty.
- 9.6. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên HĐQT chuyên trách).
- 9.7. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, có hiểu biết luật pháp;
10. Thành viên độc lập của HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 9 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty hoặc đã làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty trong 03 năm liền kề trước đó;

Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Công ty ngoài những khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Công ty, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;

Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 44 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị:

1. Nhiệm kỳ của các thành viên trong HĐQT là 5 năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.
2. Trong nhiệm kỳ, ĐHĐCĐ có thể bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.

Điều 45 - Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

1. Quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến lợi ích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

3. HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động cũng như sai phạm trong quản lý, vi phạm điều lệ, vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng cho Công ty.
4. Trình ĐHĐCĐ quyết định các nội dung sau:
 - 4.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - 4.2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
 - 4.3. Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 4.4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
 - 4.5. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 4.6. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - 4.7. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Công ty;
 - 4.8. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - 4.9. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
 - 4.10. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyên đổi;
 - 4.11. Thông qua việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài;
 - 4.12. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty; Phương hướng, nhiệm vụ và ngân sách tài chính cho năm tài chính mới;
 - 4.13. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - 4.14. Quyết định thành lập công ty con;
 - 4.15. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 4.16. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 4.17. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông

- lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Công ty; công ty con, công ty liên kết của Công ty;
- 4.18. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Công ty;
 - 4.19. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Công ty.
 5. Trình Ngân hàng Nhà nước:
 - 5.1. Thành lập công ty con, công ty liên kết
 - 5.2. Chấp thuận việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp của Công ty.
 - 5.3. Chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần, liên doanh với các chủ đầu tư nước ngoài;
 - 5.4. Chấp thuận việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Công ty và chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Công ty.
 - 5.5. Chấp thuận những thay đổi được quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật các tổ chức tín dụng;
 - 5.6. Phát hành cổ phiếu mới.
 - 5.7. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT, thành viên Ban KS, Tổng giám đốc Công ty.
 6. Quyết định mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty;
 7. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; Phê duyệt cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Công ty.
 8. Quyết định chiến lược phát triển; kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty;
 9. Quyết định kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHCĐ thông qua;
 10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, Giám đốc chi nhánh, Trưởng VP đại diện, các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
 11. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 12. Cử người đại diện vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
 13. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty quy định tại điểm 1.16 khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này.

14. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật các TCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại điểm 1.17 khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này.
15. Thông qua các hợp đồng của Công ty với công ty con, công ty liên kết của Công ty; các hợp đồng của Công ty với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
16. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
17. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
18. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Công ty.
19. Quy định về lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, mức tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của pháp luật.
20. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
21. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
22. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
23. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Công ty.
24. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty.
25. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
26. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
27. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.
28. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
29. Ban hành quy chế ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo quy định tại Điều lệ này, khi thấy cần thiết.

30. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
31. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
32. Những vấn đề sau phải được HĐQT thông qua:
 - 32.1. Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của Công ty;
 - 32.2. Các khoản vay, cho vay, đảm bảo, bảo lãnh, bồi thường vượt mức phán quyết của Tổng giám đốc Công ty;

Điều 46 - Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên HĐQT:

1. Chủ tịch HĐQT Công ty có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - 1.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - 1.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - 1.3 Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
 - 1.4 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - 1.5 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.6 Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
 - 1.7 Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT.
 - 1.8 Ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;
 - 1.9 Ký văn bản ủy quyền cho một trong số thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;
 - 1.10 Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
 - 1.11 Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo ĐHCĐ về kết quả đánh giá này.
 - 1.12 Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Thành viên HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực vì lợi ích của Công ty và cổ đông;

Thành viên HĐQT thực thi nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT; không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT;

Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật các TCTD, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình;

Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.

Chấp hành quy định của Điều lệ Công ty về số cổ phần bắt buộc phải có đối với thành viên HĐQT.

Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Công ty, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

Chấp hành các quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này.

Các thành viên HĐQT sẽ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT và những thành viên này không được uỷ quyền cho những người không phải là thành viên HĐQT để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

Điều 47 - Thay thế thành viên Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc các pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, thành viên HĐQT của Công ty thì phải có yêu cầu bằng văn bản gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, HĐQT Công ty sẽ họp để xem xét và quyết định.
2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiệm mất tư cách thành viên HĐQT thì HĐQT cử người thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất để bầu bổ sung.
3. Trường hợp khuyết quá 1/3 số thành viên, thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày khuyết để bầu bổ sung.
4. Các trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác do ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.

Điều 48 - Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Các thành viên HĐQT sẽ nhận được khoản thù lao và tiền thưởng cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Mức thù lao và tiền thưởng cho các thành viên HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.
2. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của ĐHĐCĐ.
3. Các thành viên của HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện

trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và các cuộc họp khác liên quan đến hoạt động quản trị Công ty.

4. Mọi chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 49 - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - 3.1. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác;
 - 3.2. Ít nhất hai thành viên HĐQT;
 - 3.3. Chủ tịch HĐQT;
 - 3.4. Ít nhất 2/3 thành viên Ban kiểm soát;
 - 3.5. Trưởng Ban kiểm soát;
 - 3.6. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính.
4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp HĐQT bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm 3.1, 3.2, 3.4, 3.5, 3.6 của khoản 3 Điều này, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Chủ tịch HĐQT không triệu tập cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính và tiến hành họp HĐQT để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, bầu một thành viên HĐQT đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Chủ tịch, báo cáo NHNN theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). Nếu HĐQT không đủ số lượng để tổ chức họp và thông qua quyết định, thì Ban kiểm soát có trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo đúng quy định hiện hành để xử lý những tồn tại, vướng mắc của Công ty.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế là một trong các thành viên HĐQT được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp HĐQT không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập ĐHCĐ bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên HĐQT.

9. Biểu quyết.

- 9.1. Mỗi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Nếu thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
- 9.2. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- 9.3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ.

9.4. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

12.1. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

12.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

13. Trường hợp HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên HĐQT tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

13.1. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

- 13.2. Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.
14. Biên bản họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp ký tên. Chủ tọa, thư ký và các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT. Chủ tọa cuộc họp HĐQT có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên HĐQT và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.
15. Những người được mời dự họp HĐQT: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và có thể có các Cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.

Điều 50 - Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị:

1. HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình;
2. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. HĐQT quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 51 - Thư ký

HĐQT có thể bổ nhiệm thư ký chuyên trách và quy định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. HĐQT có thể bãi nhiệm thư ký vào bất cứ thời điểm nào tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký và Công ty. Hai hoặc nhiều người có thể được bổ nhiệm là đồng thư ký; chức năng, nhiệm vụ của thư ký bao gồm:

1. Thông báo việc triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT hay của Ban kiểm soát;
2. Ghi biên bản cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
4. Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Cổ đông.

CHƯƠNG XI TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 52 – Tổng giám đốc:

1. Điều hành hoạt động Công ty là Tổng Giám đốc, giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.
2. HĐQT bổ nhiệm trong số thành viên của mình hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, bồi thường, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với ĐHĐCD và ghi tại báo cáo năm của Công ty.
3. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.
4. Trừ trường hợp HĐQT có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo Luật các Tổ chức Tín dụng, quy định của NHNN.
5. Tổng Giám đốc không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại tổ chức tín dụng khác hoặc công ty khác, trừ trường hợp là Công ty con của Công ty và chỉ được giữ chức danh quản trị, kiểm soát tại Công ty con đó.
6. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
7. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
8. Điều kiện, tiêu chuẩn Tổng giám đốc Công ty:
 - 8.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 36 và Khoản 5 Điều này;
 - 8.2. Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định tại Điều 40, Điều 41 của Điều lệ này;
 - 8.3. Có bằng đại học hoặc trên Đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; có ít nhất 05 năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;
 - 8.4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, có hiểu biết luật pháp;
 - 8.5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 53 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc:

1. HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn Tổng giám đốc, người được bổ nhiệm làm TGD phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản trước khi bổ nhiệm.
2. Tổng giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của HĐQT, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc thì HĐQT phải cử ngay một phó Tổng giám đốc hoặc Trưởng phòng nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 36 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên NHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này.
4. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc hoặc HĐQT nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc, HĐQT phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng giám đốc mới trình Thống đốc NHNN chấp thuận trước khi bổ nhiệm.
5. Trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ Công ty, HĐQT có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời cử ngay một phó Tổng giám đốc hoặc một Trưởng phòng nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 36 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng giám đốc gửi NHNN theo quy định hiện hành.
6. Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT họp, xem xét và làm các thủ tục như quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 54 - Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Trình Hội đồng Quản trị:
 - 1.1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - 1.2. Thành lập Công ty con;
 - 1.3. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

- 1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành tại trụ sở chính; cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;
- 1.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Điều lệ Công ty;
- 1.6. Ban hành các quy chế, quy trình nghiệp vụ kỹ thuật, quản lý trong kinh doanh và nội quy bảo mật, các thông tin kinh tế nội bộ áp dụng thống nhất trong Công ty;
- 1.7. Quy chế hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, Công ty trực thuộc;
- 1.8. Quyết định về lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, mức tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của pháp luật;
- 1.9. Phát hành cổ phiếu mới; Phương án hoạt động kinh doanh;
- 1.10. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của tổ chức tín dụng khác;
- 1.11. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Công ty và chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp;
- 1.12. Những thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật các TCTD;
- 1.13. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của Công ty;
- 1.14. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định của Nhà nước liên quan tới Công ty.
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh còn lại không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT theo quy chế do HĐQT ban hành. Tuyển dụng, kỷ luật và cho thôi việc các nhân viên của Công ty; quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động kể cả cán bộ quản lý theo đúng pháp luật và Quy chế do HĐQT ban hành.
3. Tổ chức thực hiện phương án hoạt động kinh doanh khi được HĐQT phê duyệt.
4. Quyết định các khoản vay, cho vay, bảo đảm, bảo lãnh theo mức phán quyết được quy định.
5. Điều hành và quyết định các vấn đề có liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT; chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty.
6. Ký kết và thực hiện các Hợp đồng thương mại, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng dân sự, ... theo phân cấp hoặc uỷ quyền của Chủ tịch HĐQT.
7. Ban hành các quy chế nội bộ, quy trình nghiệp vụ trừ các quy chế, quy trình thuộc thẩm quyền của HĐQT.
8. Đại diện theo uỷ quyền cho Công ty trong quan hệ quốc tế, tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản.
9. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách

nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay HĐQT, NHNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền để giải quyết tiếp.

10. Chịu sự kiểm tra, giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát, NHNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.
11. Từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT Công ty nếu trái pháp luật và Điều lệ Công ty đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát.
12. Báo cáo HĐQT, NHNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
13. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
14. Đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
15. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty.
16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG XII BAN KIỂM SOÁT

Điều 55 - Quy định chung về Ban kiểm soát:

1. ĐHĐCĐ bầu thành viên Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu. ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Trong nhiệm kỳ đầu, Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên (trong đó: 02 thành viên chuyên trách, 01 thành viên kiêm nhiệm), nhiệm kỳ hoạt động là 5 năm, nhân sự dự kiến như sau:
 - 2.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội giới thiệu 01 Thành viên;
 - 2.2. Tập đoàn Sông Đà giới thiệu 01 Thành viên;
 - 2.3. Tổng công ty cổ phần Bảo Minh giới thiệu 01 Thành viênTừ các nhiệm kỳ sau, số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là 03 người; nhiệm kỳ hoạt động, cơ cấu nhân sự Ban kiểm soát sẽ do ĐHĐCĐ công ty quyết định theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.
3. Ban kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
4. Ban kiểm soát phải bầu một trong những thành viên làm Trưởng ban.
5. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên HĐQT, người điều hành, nhân viên tại Công ty hoặc Công ty con của Công ty hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Công ty

là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc cổ đông lớn của doanh nghiệp đó hoặc thành viên HĐQT, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên HĐQT, người điều hành tại Công ty.

6. Trưởng ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của Tổ chức tín dụng khác.
7. Trong Ban kiểm soát có ít nhất 2/3 số thành viên có chuyên môn về kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.
8. Sau ĐHĐCĐ đầu tiên, những người được bầu làm Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai kiểm soát công việc thành lập Công ty.
9. Những người được bầu giữ chức vụ Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Trưởng ban và các thành viên ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát mới được bầu tiếp nhận để tiếp tục thực hiện chức năng kiểm soát và xử lý công việc tiếp theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty.
10. Ban kiểm soát được hưởng thù lao và tiền thưởng theo quyết định của ĐHĐCĐ. Chi phí cho Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty;
11. Điều kiện, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:
 - 11.1. Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty; các thành viên khác là cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân;
 - 11.2. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 36 và Khoản 5, Khoản 6 Điều này;
 - 11.3. Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định tại Điều 40, Điều 41 của Điều lệ này;
 - 11.4. Có kinh nghiệm và am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;
 - 11.5. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - 11.6. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;
 - 11.7. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách);
 - 11.8. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
 - 11.9. Thành viên Ban kiểm soát không được là thành viên HĐQT; Tổng giám đốc; Kế toán trưởng Công ty; Không phải người có liên quan của người quản lý Công ty.

Điều 56 - Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát:

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Công ty thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Công ty phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 57 - Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản trị, điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Công ty; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
6. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện người quản lý Công ty có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
7. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc Công ty; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

8. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ này.
9. Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 58 - Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát:

1. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - 1.1 Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 45 của Luật các TCTD.
 - 1.2 Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
 - 1.3 Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
 - 1.4 Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 45 của Luật các TCTD hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
 - 1.5 Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
 - 1.6 Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu, thành viên góp vốn.
 - 1.7 Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.
 - 1.8 Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
 - 1.9 Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
 - 1.10 Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
 - 1.11 Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - 2.1 Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty và của cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu.
 - 2.2 Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng BKS.

- 2.3 Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
- 2.4 Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
- 2.5 Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- 2.6 Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
- 2.7 Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
- 2.8 Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của công ty.
3. Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát được hưởng lương theo quyết định của ĐHĐCĐ, các thành viên Ban kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ quyết định. Các thành viên Ban kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (Lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban kiểm soát và số phí công vụ mà mỗi thành viên Ban kiểm soát đã nhận, được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Công ty.
4. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát và thư ký phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

Điều 59 - Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.
2. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát và đề nghị HĐQT trong thời hạn 60 ngày (kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách) tiến hành triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Công ty thay thế và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.

3. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức trưởng ban, phải có đơn gửi đến HĐQT và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành. Trong thời hạn 60 ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban kiểm soát), Ban kiểm soát phải đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để quyết định số thành viên Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và bầu thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Công ty, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.
4. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT và Ban kiểm soát để trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.
5. Cổ đông muốn thay thế người đại diện hoặc người được ủy quyền đại diện của mình đang giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát thì phải có văn bản gửi đến HĐQT và Ban kiểm soát để cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.
6. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn tài chính kế toán, Trưởng Ban Kiểm soát phải đề nghị HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.
7. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Công ty, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
8. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 60 - Các Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp Bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - 2.1. Chủ tịch HĐQT;
 - 2.2. Ít nhất hai phần ba số thành viên HĐQT;
 - 2.3. Trưởng Ban kiểm soát;
 - 2.4. Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
 - 2.5. Tổng Giám đốc;
 - 2.6. Giám đốc chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính.
3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm 2.1, 2.2, 2.4, 2.5, 2.6 của Khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc

họp Ban kiểm soát bất thường. Trường họp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, HĐQT và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, báo cáo NHNN theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

4. Địa điểm họp. Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty.
5. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 5 ngày kể từ gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.
6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền. Trường họp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho HĐQT biết và đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.
7. Biểu quyết:
 - 7.1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
 - 7.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - 7.3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của

thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

- 7.4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 41 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đối với hợp đồng đó.
8. Công khai lợi ích: Thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó tại cuộc họp HĐQT và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây HĐQT và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có ký kết các hợp đồng hoặc giao dịch đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại lợi ích đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của HĐQT và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có lợi ích liên quan.
9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát uỷ quyền Chủ toạ cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
10. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - 10.1. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - 10.2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.
11. Biên bản: Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ toạ cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

CHƯƠNG XIII CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Điều 61 - Cơ cấu tổ chức của Công ty

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty chủ yếu bao gồm các thành phần sau:
 - 1.1. Trụ sở chính;
 - 1.2. Các chi nhánh, văn phòng đại diện, các công ty con, công ty liên kết;
 - 1.3. Các phòng giao dịch;
2. Công ty được phép mở các chi nhánh, các văn phòng đại diện, các phòng giao dịch, các Công ty con, công ty liên kết khi có nhu cầu theo quy định của NHNN. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên sẽ do HĐQT quy định phù hợp với quy định của pháp luật..

Điều 62 - Cơ cấu tổ chức của trụ sở chính

Trụ sở chính bao gồm các thành phần sau:

1. Hội đồng quản trị;
2. Ban kiểm soát;
3. Tổng giám đốc;
4. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

Điều 63 - Bộ máy giúp việc Tổng giám đốc

1. Các Phó Tổng giám đốc;
2. Kế toán trưởng;
3. Các phòng ban;
4. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

CHƯƠNG XIV QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 64 - Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ:

1. Cổ đông lớn được quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Công ty và các biên bản của ĐHĐCĐ trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh chính của Công ty và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được uỷ quyền phải được kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Công ty kiểm toán, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XV NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 65 - Người lao động và Công đoàn

Tổng Giám đốc sẽ phải xây dựng Quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Công ty cũng như quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn, để trình HĐQT xem xét thông qua.

CHƯƠNG XVI PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 66 - Lợi nhuận:

Tổng số lợi nhuận của Công ty là số tổng cộng lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 67 - Cổ tức:

1. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.

2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi

trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn.
5. Theo đề xuất của Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng tiền mặt hay những tài sản cụ thể khác.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được.
7. Theo chấp thuận của các cổ đông tại ĐHĐCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này là những cổ phần được ghi là đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phiếu phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
8. Theo Luật doanh nghiệp, HĐQT thông qua Nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc thụ hưởng các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.
9. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

10. Cổ đông chuyên nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyên nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

CHƯƠNG XVII

HỆ THỐNG KIỂM TRA, KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 68 - Hệ thống Kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

Công ty sẽ thiết lập một Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ như sau:

1. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ thuộc bộ máy điều hành giúp Tổng giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Những người trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ không kiêm nhiệm các công việc khác của Công ty.
2. Hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ và các nhân viên làm nghiệp vụ này (nhân viên kiểm tra, kiểm soát nội bộ) độc lập trong hoạt động đối với bộ phận nghiệp vụ, các chi nhánh, văn phòng đại diện và được độc lập đánh giá, kết luận, kiến nghị trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát.

Điều 69 - Nhân viên kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Nhân viên kiểm tra nội bộ của Công ty có các tiêu chuẩn chung của nhân viên Công ty và có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1. Hiểu biết pháp luật, thông thạo nghiệp vụ mà mình đảm nhận.
2. Có bằng đại học về ngân hàng hoặc kinh tế, kế toán tài chính.
3. Có thời gian công tác trong lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng ít nhất là ba năm.

Điều 70 - Trách nhiệm của Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có các trách nhiệm sau:

1. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật, các quy định của NHNN và quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
2. Báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ và nêu những kiến nghị khắc phục khuyết điểm tồn tại.
3. Các trách nhiệm khác theo quy định của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này.

Điều 71 - Quyền hạn và nhiệm vụ của hệ thống Kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp làm nghiệp vụ giải trình các công việc đã làm, đang làm, xuất trình văn bản chỉ đạo, chứng từ

sổ sách ghi chép và các tài liệu có liên quan khác trong hoạt động (khi cần thiết) để phục vụ việc kiểm tra, kiểm soát. Thực hiện bảo mật số liệu và tài liệu theo quy định của pháp luật; không tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Tổng giám đốc cho phép.

2. Đề nghị Tổng giám đốc thành lập đoàn kiểm tra, phúc tra để thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất.
3. Trưởng phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại trụ sở chính hoặc Tổ trưởng tổ kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các chi nhánh, văn Phòng đại diện, công ty trực thuộc được tham dự các cuộc họp do Tổng Giám đốc Công ty hoặc Giám đốc (Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty trực thuộc) triệu tập.
4. Kiến nghị Tổng Giám đốc Công ty hoặc Giám đốc (Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty trực thuộc) xử lý theo thẩm quyền đối với những đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, các quy định của NHNN và của Công ty.
5. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Hệ thống kiểm soát nội bộ được Tổng giám đốc giao phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của NHNN và Điều lệ này.

Điều 72 - Kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ của Công ty được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát, HĐQT quyết định tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ, chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm của người làm công tác kiểm toán nội bộ.

Điều 73 - Nhiệm vụ của Bộ phận kiểm toán nội bộ

1. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch, các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
2. Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của Công ty (cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình hoặc thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Đối với tất cả những vấn đề có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty, kiểm toán nội bộ cần thông báo kịp thời về bản chất và ảnh hưởng của chúng đối với hoạt động của Công ty và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm ngăn ngừa, khắc phục những vấn đề này.
3. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất các biện pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
4. Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng.

5. Lập báo cáo kiểm toán, báo cáo BKS thông qua và trình HĐQT; thông báo và đệ trình kịp thời các kết quả kiểm toán nội bộ cho các bên hữu quan trong và ngoài Công ty theo đúng các chính sách, quy trình, quy định của Công ty và theo pháp luật.
6. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của hoạt động ngân hàng.
7. Thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng công tác kiểm toán nội bộ.
8. Xây dựng tiêu chuẩn chức danh và các yêu cầu cần thiết đối với Kiểm toán viên nội bộ để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo một cách liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho Kiểm toán viên nội bộ.
9. Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Thanh tra NHNN nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.
10. Tư vấn cho HĐQT, Tổng giám đốc Công ty và các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các dự án xây dựng, áp dụng mới hay sửa đổi những quy trình nghiệp vụ quan trọng; cơ chế quản trị, điều hành; quy trình nhận dạng, đo lường đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán; thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của kiểm toán nội bộ.

Điều 74 - Quyền hạn của Bộ phận kiểm toán nội bộ.

1. Được trang bị đầy đủ các nguồn lực (nhân lực, tài chính và các phương tiện khác) cần thiết.
2. Được chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
3. Có quyền yêu cầu các bộ phận điều hành tác nghiệp cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ.
4. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, các tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ.
5. Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả các cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
6. Được tham dự và được nhận các biên bản họp của ban lãnh đạo có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
7. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.

8. Được cung cấp các văn bản liên quan đến chế độ, chính sách, các quy định, quyết định của Nhà nước, của Công ty về hoạt động của Công ty.
9. Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc can thiệp khi thực hiện kiểm toán và trình bày ý kiến trong báo cáo kiểm toán.
10. Bảo lưu ý kiến đã trình bày trong Biên bản, báo cáo kiểm toán nội bộ
11. Từ chối thực hiện các công việc không thuộc phạm vi nghiệp vụ kiểm toán nội bộ.

Điều 75 - Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:
 - 1.1. Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật và sự nhìn nhận khách quan;
 - 1.2. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật, về quản trị kinh doanh và các nghiệp vụ ngân hàng;
 - 1.3. Có bằng cử nhân các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - 1.4. Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin;
 - 1.5. Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
2. Ngoài các điều kiện tiêu chuẩn nói trên, Trưởng Kiểm toán nội bộ và Phó trưởng Kiểm toán nội bộ tối thiểu phải có bằng cử nhân thuộc các chuyên ngành ngân hàng, kinh tế, tài chính và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tối thiểu là 03 (ba) năm.

Điều 76 - Chế độ Tài chính

1. Công ty chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Công ty.

Điều 77 - Sử dụng vốn

1. Công ty được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. Công ty được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Công ty được điều động vốn và tài sản giữa các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 78 - Các Quỹ của Công ty

1. Trong hoạt động kinh doanh Công ty được phép thành lập các quỹ và dự phòng nghiệp vụ theo đúng quy định hiện hành theo từng thời điểm của NHNN.
2. Hàng năm, Công ty được trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì và sử

dụng các quỹ theo quy định tại điều 139 Luật các tổ chức tín dụng và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

Điều 79 - Tự chủ về tài chính của Công ty

Công ty tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 80 - Năm tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 81 - Hệ thống kế toán:

1. Thu, chi tài chính của Công ty được thực hiện phù hợp với quy định tại Điều 138 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn của NHNN.
2. Chế độ hạch toán của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật kế toán, thống kê, các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn của NHNN và Bộ tài chính.
3. Công ty phải lập hệ thống sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đầy đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
4. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong hạch toán và báo cáo kế toán.

CHƯƠNG XVIII

BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 82 - Báo cáo Tài chính

1. Công ty phải lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc NHNN.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm Báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Ngoài những báo cáo định kỳ, Công ty báo cáo ngay với NHNN trong những trường hợp sau:

- 3.1. Diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Công ty;
- 3.2. Thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của Công ty.
4. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nộp NHNN các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.
5. Nội dung báo cáo tài chính hàng năm, sau khi kiểm toán phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

Điều 83 - Công bố và Thông báo

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và NHNN cũng như phải được công bố trong vòng một trăm hai mươi ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật.
2. Trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải công khai báo cáo tài chính của mình theo quy định của pháp luật. .

CHƯƠNG XIX KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 84 - Kiểm toán:

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Công ty phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Công ty phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
4. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức Tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

CHƯƠNG XX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 85 - Báo cáo và Kiểm soát đặc biệt

1. Trong trường hợp có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, Công ty phải báo cáo ngay với NHNN về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục.

2. Công ty có thể bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 146, Khoản 3 Luật các tổ chức tín dụng, cụ thể trong những trường hợp:
 - 2.1. Có nguy cơ mất khả năng chi trả;
 - 2.2. Nợ không có khả năng thu hồi có nguy cơ dẫn đến mất khả năng thanh toán;
 - 2.3. Khi số lỗ lũy kế của Công ty lớn hơn 50% giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 2.4. Hai năm liên tục bị xếp loại yếu kém theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - 2.5. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 130 của Luật các TCTD trong thời hạn một năm liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 4% trong thời hạn 06 tháng liên tục.
3. Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng, Công ty có thể được các tổ chức tín dụng khác hoặc NHNN cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của Công ty.
4. Công ty phải có trách nhiệm tuân thủ các quy định về kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 147, Điều 150 Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật và NHNN.

Điều 86 - Phá sản

Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà Công ty vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì Công ty phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 87 - Giải thể

1. Công ty được giải thể trong những trường hợp sau:
 - 1.1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận.
 - 1.2. Khi hết hạn hoạt động nhưng không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận.
 - 1.3. Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
 - 1.4. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty đều phải được ĐHĐCĐ thông qua. Quyết định này phải được gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi tiến hành giải thể theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 88 - Thanh lý

1. Trong trường hợp Công ty bị tuyên bố phá sản theo Điều 86 Điều lệ này, việc thanh lý của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.
2. Khi Công ty giải thể theo quy định tại Điều 87 Điều lệ này và quy định tại Điều 154 Luật các tổ chức tín dụng; Công ty phải tiến hành thành lập Ban thanh lý ngay dưới sự giám sát của NHNN. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý sẽ do Công ty chịu.

Điều 89 - Gia hạn hoạt động

1. HĐQT sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của HĐQT.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua và phải được NHNN chấp thuận. Mỗi lần gia hạn không quá 50 năm.

CHƯƠNG XXI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 90 - Giải quyết Tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng hay luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - 1.1. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - 1.2. Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý khác;Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi một) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế theo luật định.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXII THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 91 - Thông tin Định kỳ

1. Công ty thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Công ty.
2. Công ty được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng.
3. Công ty có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của NHNN và được NHNN nước cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với Công ty.

Điều 92 - Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của Công ty và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của Công ty mà mình biết.
2. Công ty được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Công ty, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XXIII NGÀY HIỆU LỰC

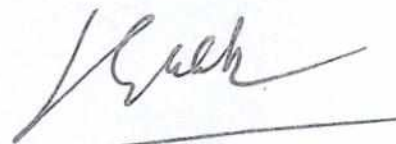
Điều 93 - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ:

1. Việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định và có hiệu lực thi hành sau khi đăng ký với NHNN.
2. Trường hợp có những quy định pháp luật liên quan đến hoạt động Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 94. Ngày hiệu lực:

Điều lệ này có hiệu lực sau khi đăng ký với NHNN và thay thế Điều lệ của Công ty được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký tại văn bản số 4130/NHNN-TTGSNH ngày 26 tháng 5 năm 2011.

TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *hv*



Hoàng Văn Khinh